TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY SƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Thành.
2. Ông Trần M Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Khổng Thị Cẩm N, sinh năm 1989 (Vắng mặt, có đơn).
Địa chỉ: Tổ Z, khối X, thị trấn P, huyện T, Bình Định.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Phương D, sinh năm 1988 (Vắng mặt, có đơn).
Địa chỉ: Tổ Z, khối X, thị trấn P, huyện T, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Khổng Thị Cẩm N trình bày: chị và anh Nguyễn Phương D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình chấp nhận tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không nhớ rõ ngày tháng năm. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã TX vào ngày 23/4/2014. Sau khi cưới, chị và anh D sống hạnh phúc được 09 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Lý do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 02/2022 vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy không còn tình cảm yêu thương gì, chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Phương D.

Về con chung: chị và anh Nguyễn Phương D có 02 con chung là Nguyễn Khổng M (nam) sinh ngày 07/3/2015 và Nguyễn Quỳnh C (nữ) sinh ngày 15/3/2021

hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung đến trưởng thành; không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Phương D trình bày: thống nhất như chị N đã trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và mâu thuẫn vợ chồng. Theo anh D, vì hai bên tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra kình cãi. Vợ chồng đã cắt đứt quan hệ, bỏ mặc không quan tâm nhau từ năm 2023. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: anh và chị N có 02 con chung là Nguyễn Khổng M (nam) sinh ngày 07/3/2015 và Nguyễn Quỳnh C (nữ) sinh ngày 15/3/2021 hiện đang sống cùng chị N. Khi ly hôn, anh đồng ý giao hai con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc đến trưởng thành; anh (D) không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đa phần đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn có một vài vi phạm. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Khổng Thị Cẩm N với anh Nguyễn Phương D. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: giao 02 con chung là Nguyễn Khổng M (nam) sinh ngày 07/3/2015 và Nguyễn Quỳnh C (nữ) sinh ngày 15/3/2021 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc đến trưởng thành (nguyện vọng của cháu M là được sống cùng mẹ); về cấp dưỡng nuôi con: miễn xét, do chị N không yêu cầu; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Khổng Thị Cẩm N, bị đơn là anh Nguyễn Phương D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Khổng Thị Cẩm N với anh Nguyễn Phương D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TX vào ngày

23/4/2014 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến tháng 2/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà không giải quyết được dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hòa. Chị N và anh D đã cắt đứt quan hệ, phần ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau từ tháng 2/2022. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh D và anh D cũng đồng ý là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX công nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh D có 02 con chung là Nguyễn Khổng M (nam) sinh ngày 07/3/2015 và Nguyễn Quỳnh C (nữ) sinh ngày 15/3/2021 hiện đang sống cùng chị N. Khi ly hôn, chị N và anh D đều thống nhất giao 02 con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận của chị N và anh D là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với nguyện vọng của con chung (cháu M muốn được sống cùng mẹ), đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của trẻ, nghị nên công nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên HĐXX không xét

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: cần buộc chị Khổng Thị Cẩm N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ.

[6] Lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Khổng Thị Cẩm N:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Khổng Thị Cẩm N với anh Nguyễn Phương D.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao 02 con chung là Nguyễn Khổng M (nam) sinh ngày 07/3/2015 và Nguyễn Quỳnh C (nữ) sinh ngày 15/3/2021 cho chị Khổng Thị Cẩm N chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên Tòa không xét.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

2/ Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị Khổng Thị Cẩm N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai số 0003516 ngày 23/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị N đã nộp đủ án phí.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4/ Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã TX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Giang Nam